

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2026

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q, sinh ngày 10/9/1981.

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh ngày 01/01/1978.

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q trình bày: Ông và bà Trần Thị T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ) vào ngày 26/3/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Công H, sinh ngày 16/12/2012 hiện đang sống với ông và bà T. Từ khoảng tháng 9/2024, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau nên thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông và bà T muốn trả tự do cho nhau.

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: Ông yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Ngọc Công H, sinh ngày 16/02/2012 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt, quá trình giải quyết có văn bản trình bày ý kiến: Bà biết việc ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q nộp đơn khởi kiện để yêu cầu ly hôn, bà thống nhất với nội dung ông Q trình bày trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản chung và không nợ chung. Giữa bà và ông Q đã thỏa thuận được với nhau về hôn nhân thì bà đồng ý ly hôn, con chung Nguyễn Ngọc Công H giao cho bà nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con, không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà sau khi ly hôn. Tuy nhiên do phải đi làm xa, việc xin nghỉ khó khăn và không có thời gian nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nhận thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng giữa ông Q và bà T không còn tình cảm, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Bà T đã được thông báo về việc ông Q khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của bà T là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Q và bà T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q và bà Trần Thị T có một người con chung là tên Nguyễn Ngọc Công H, sinh ngày 16/02/2012. Xét thấy bà T có yêu cầu nuôi con chung và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Công H. Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q và bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị T được nuôi dưỡng con chung với ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q là Nguyễn Ngọc Công H, sinh ngày 16/02/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q và bà Trần Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Q đã nộp xong và được hoàn trả số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0008248 ngày 31/10/2025 của Thị hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc,
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai